

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện tại Khoa Quốc tế - Đại học Huế

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1795/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-ĐHH ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc cho phép Khoa Quốc tế - Đại học Huế đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện;

Theo đề nghị của Khoa trưởng Khoa Quốc tế - Đại học Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện (Mã số: 7320104) tại Khoa Quốc tế - Đại học Huế.



(Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đính kèm)

Điều 2. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo này áp dụng cho khoá tuyển sinh từ năm 2021 trở về sau.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa trưởng Khoa Quốc tế - Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHH (để b/c);
- Lưu: VT, KQT.NTH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Đỗ Thị Xuân Dung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
TẠI KHOA QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC HUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2184/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo (bằng tiếng Việt): Truyền thông đa phương tiện
2. Tên chương trình đào tạo (bằng tiếng Anh): Media Communication
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Hình thức đào tạo: Chính quy
5. Mã ngành đào tạo: 7320104
6. Thời gian đào tạo: 42-48 tháng
7. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
8. Số tín chỉ yêu cầu tối thiểu: 123 (Không bao gồm các tín chỉ về ngoại ngữ không chuyên, giáo dục an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất)
9. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân
10. Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định tại Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế.
11. Đơn vị cấp bằng: Đại học Huế

B. CHUẨN ĐẦU RA

1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có trình độ chuyên môn, kiến thức để thu thập tin tức, viết bài báo, kịch bản; hiểu và vận dụng tư duy thẩm mỹ, nghệ thuật để tạo ra các sản phẩm truyền thông ấn tượng; sử dụng được các thiết bị, phần mềm làm video, đồ họa để quay dựng phim, biên tập hậu kỳ; phân tích, thiết kế và xây dựng được các ấn phẩm truyền thông; tổ chức sản xuất chương trình truyền hình tổ chức sự kiện, dẫn chương trình, lập kế hoạch truyền thông; biết sáng tạo và kinh doanh sản phẩm truyền thông số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- Giới thiệu và giải thích những nguyên lý, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam
- Trình bày và áp dụng kiến thức cơ bản ngoại ngữ và công nghệ thông tin
- Nhận biết các kiến thức nền tảng về: lý luận truyền thông, nhập môn truyền thông, mỹ học và nguyên lý thiết kế
- Nhận biết ngôn ngữ truyền thông và ứng dụng sản xuất các sản phẩm truyền thông thuộc các loại hình khác nhau;
- Giải thích được các vấn đề liên quan đến tâm lý học truyền thông, truyền thông trực tuyến, PR, quảng cáo, thương hiệu, công chúng. Từ đó, vận dụng kiến thức để hoạch định chiến lược và kế hoạch truyền thông, xử lý khủng hoảng truyền thông, và tổ chức sự kiện.
- Vận dụng các kiến thức về thiết kế đồ họa, website, nhiếp ảnh để sản xuất các sản phẩm liên quan đến truyền thông thị giác

2.2. Kỹ năng

- Thành thạo trong kỹ năng thu thập, tổng hợp, thiết kế, và sản xuất các sản phẩm sản phẩm truyền thông

- Thành thạo việc tổ chức sự kiện, kết nối quan hệ giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng và giới truyền thông; quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện

- Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và công nghệ mới trong hoạt động truyền thông (máy quay phim, máy chụp ảnh, máy ghi âm, các phần mềm xử lý hình ảnh,...), và các ứng dụng trên nền tảng đa phương tiện (web, mạng xã hội,...) để sản xuất và phát triển các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

- Có khả năng làm việc dưới áp lực thời gian và thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc;

- Có phẩm chất trong giải quyết vấn đề: tư duy sáng tạo, xử lý khủng hoảng, lập kế hoạch và tổ chức công việc

- Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp: chủ động, tích cực trong khi làm việc cùng ekip để sản xuất sản phẩm truyền thông;

- Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có lập trường tư tưởng rõ ràng; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức trách nhiệm công dân trong việc tham gia các hoạt động chính trị - xã hội.

- Có thái độ trung thực, khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học nói chung và lĩnh vực truyền thông nói riêng.

- Có ý thức giữ gìn, bảo tồn, quảng bá và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc.

- Có tác phong làm việc kỷ luật, khoa học; có tinh thần cầu tiến trên cơ sở nhận thức đầy đủ về vai trò - vị trí xã hội của truyền thông đại chúng.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Phân cấp thang đo trình độ năng lực

Nhóm	Trình độ năng lực	Mô tả
1. Biết	0.0 – 2.0 (I)	Có biết qua/có nghe qua
2. Hiểu	2.0 – 3.0 (II)	Có hiểu biết/có thể tham gia
3. Ứng dụng	3.0 – 3.5 (III)	Có khả năng ứng dụng
4. Phân tích	3.5 – 4.0 (IV)	Có khả năng phân tích
5. Tổng hợp	4.0 – 4.5 (V)	Có khả năng tổng hợp
6. Đánh giá	4.5 – 5.0 (VI)	Có khả năng đánh giá và sáng tạo

3.2. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
PLO 1	Kiến thức	
PLO 1.1	Kiến thức đại cương	
PLO 1.1.1.	Giới thiệu và giải thích những nguyên lý, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, cơ sở văn hóa Việt Nam, mỹ học.	I, II
PLO 1.1.2.	Trình bày và áp dụng kiến thức cơ bản ngoại ngữ và công nghệ thông tin	II, III
PLO 1.2	Kiến thức ngành	
PLO 1.2.1	Nhận biết các kiến thức nền tảng về: lý luận truyền thông, nhập môn truyền thông, tâm lý học truyền thông, và pháp luật và đạo đức về truyền thông.	I

PLO 1.2.2.	Hình dung quan hệ giữa công chúng truyền thông, kỹ năng phỏng vấn, đạo đức nghề nghiệp và ứng dụng khởi nghiệp, viết và sản xuất các sản phẩm truyền thông thuộc các loại hình khác nhau	II, III
PLO 1.2.3	Giải thích được các vấn đề liên quan đến viết trong truyền thông, xã hội học truyền thông đại chúng, truyền thông trực tuyến, truyền thông mạng xã hội, quan hệ công chúng, quảng cáo, thương hiệu doanh nghiệp và cá nhân, công chúng, marketing, kỹ năng nói trước công chúng, truyền thông doanh nghiệp. Từ đó, vận dụng kiến thức để đàm phán, sản xuất nội dung, hoạch định, quản trị chiến lược và kế hoạch truyền thông, xử lý khủng hoảng truyền thông, và tổ chức sự kiện.	II, III
PLO 1.2.4	Vận dụng các kiến thức về thiết kế đồ họa, Nghệ thuật chữ, website, nhiếp ảnh để sản xuất các sản phẩm liên quan đến truyền thông thị giác	III, IV, V
PLO 1.2.5	Vận dụng tất cả các kiến thức đã học để kiến tập, thực tập và thực hiện đồ án	III, IV, V
PLO 2	Kỹ năng	
PLO 2.1	Kỹ năng cứng	
PLO 2.1.1	Thành thạo trong kỹ năng thu thập, tổng hợp, thiết kế, kỹ thuật ghi hình và dựng hình và sản xuất các sản phẩm truyền thông.	III, IV, V
PLO 2.1.2.	Thành thạo việc tổ chức sự kiện, kết nối quan hệ giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng và giới truyền thông; quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện	III, IV, V
PLO 2.1.3	Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và công nghệ mới trong hoạt động truyền thông (máy quay phim, máy chụp ảnh, máy ghi âm, các phần mềm xử lý hình ảnh,...), và các ứng dụng trên nền tảng đa phương tiện (web, mạng xã hội,...) để sản xuất và phát triển các sản phẩm truyền thông đa phương tiện	III, IV, V
PLO 2.2.	Kỹ năng mềm	
PLO 2.2.1	Có khả năng làm việc dưới áp lực thời gian và thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc;	II, III
PLO 2.2.2	Có phẩm chất trong giải quyết vấn đề: tư duy sáng tạo, xử lý khủng hoảng, lập kế hoạch và tổ chức công việc	II, III
PLO 2.2.3	Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp: chủ động, tích cực trong khi làm việc cùng ekip để sản xuất sản phẩm truyền thông;	II, III
PLO 2.2.4	Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ và tin học ứng dụng của Việt Nam	II, III
PLO 3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO 3.1	Có lập trường tư tưởng rõ ràng; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức trách nhiệm công dân trong việc tham gia các hoạt động chính trị - xã hội.	II, III
PLO 3.2	Có thái độ trung thực, kỷ luật, khoa học và tinh thần cầu tiến trong học tập và nghiên cứu khoa học trên cơ sở nhận thức đầy đủ về vai trò - vị trí xã hội của truyền thông đại chúng.	II, III
PLO 3.3	Có ý thức giữ gìn, bảo tồn, quảng bá và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc.	II, III

C. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học phần bắt buộc
Khối kiến thức giáo dục đại cương (chọn 20/26 tín chỉ: 18 bắt buộc, 2 tự chọn)				
1	KQTTT01	Lịch sử văn minh thế giới	3	x

2	KQTTT02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	x
3	LLCTTH3	Triết học Mác - Lênin	3	x
4	KQTTT03	Đại cương mỹ học	2	
5	KQTTT04	Logic học	2	
6	KQTTT05	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	
7	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	x
8	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x
9	LTCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x
10	KQT00	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x
11	LLCTLS2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	x
12	KNĐMST	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	
Khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành (chọn 39/47 tín chỉ: 33 bắt buộc, 6 tự chọn)				
13	KQTTT06	Lý thuyết truyền thông trực tuyến	3	x
14	KQTTT07	Viết trong truyền thông	3	x
15	KQTTT13	Nguyên lý Marketing	3	x
16	KQTTT14	Truyền thông Marketing tích hợp	3	x
17	KQTTT20	Truyền thông mạng xã hội	2	
18	KQTTT21	Tâm lý học truyền thông	2	
19	KQTTT22	Truyền thông và toàn cầu hóa	2	
20	KQTTT08	Sáng tạo nội dung truyền thông số	3	x
21	KQTTT15	Lập kế hoạch truyền thông marketing	3	x
22	KQTTT12	Tổ chức sự kiện truyền thông	3	x
23	KQTTT09	Xây dựng thương hiệu trên phương tiện truyền thông kỹ thuật số	3	x
24	KQTTT10	Quản trị dự án truyền thông	3	x
25	KQTTT11	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	x
26	KQTTT16	Quản trị thương hiệu	3	x
27	KQTTT17	Công chúng truyền thông	2	
28	KQTTT18	Truyền thông doanh nghiệp	2	
29	KQTTT23	Xây dựng thương hiệu cá nhân	2	
30	KQTTT19	Pháp luật và đạo đức về truyền thông	2	
Khối kiến thức chuyên ngành (chọn 48/50 tín chỉ: 40 bắt buộc, 8 tự chọn)				
31	KQTTT27	Nhiếp ảnh	5	x
32	KQTTT28	Xử lý ảnh kỹ thuật số	5	x
33	KQTTT24	Sản xuất audio	5	x
34	KQTTT29	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3	x
35	KQTTT31	Công cụ thiết kế trực quan 1	3	x
36	KQTTT25	Sản xuất video	5	x
37	KQTTT30	Nghệ thuật chữ	3	x
38	KQTTT32	Công cụ thiết kế trực quan 2	3	x
39	KQTTT26	Thiết kế web	5	x
40	KQTTT33	Công cụ thiết kế trực quan 3	3	x
41	KQTTT34	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3	
42	KQTTT35	Thiết kế Catalogue & Brochure	3	
43	KQTTT36	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2	
44	KQTTT37	Nghệ thuật đàm phán	2	

Thực tập (chọn 6/6 tín chỉ: 6 buộc, 0 tự chọn)				
45	KQTTT40	Thực tập nghề nghiệp	6	x
Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (chọn 10/20 tín chỉ)				
46	KQTTT38	Kỹ năng nói trước công chúng	2	
47	KQTTT41	Khóa luận tốt nghiệp	10	
48	KQTTT42	Đồ án tốt nghiệp	8	

Chương trình đào tạo trên chưa bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ không chuyên, giáo dục thể chất và an ninh quốc phòng. 